TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18/5/2021.
V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Văn Liềm.
2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao *tham gia phiên toà:* Bà Thị Xà Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 07/2021/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 01 năm 2021, về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thị M - sinh năm 1991, có mặt.
Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện G, tỉnh K.
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1985, vắng mặt.
Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/12/2020, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Thị M như sau: Bà kết hôn với ông Nguyễn Văn T vào năm 2009, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh K vào ngày 09/11/2009.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống hạnh phúc được gần 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng bà không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con, ông T thường hay nhậu nhẹt về nhà đánh đập bà, bên ngoài ông T còn có vợ bé, từ tháng 6 năm 2019 đến nay, vợ chồng bà sống ly thân nhau và không còn liên lạc với nhau. Sau thời gian mâu thuẫn và sống ly thân, bà xét thấy cuộc sống

hôn nhân không còn hàn gắn được, bà không còn tình cảm yêu thương ông Nguyễn Văn T nên bà yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Thời gian chung sống với nhau vợ chồng bà có 03 người con chung tên Nguyễn Văn A – sinh ngày 11/8/2010, Nguyễn Văn Kh – sinh ngày 18/02/2012 và Nguyễn Thị Như Y – sinh ngày 09/02/2014.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà cam đoan vợ chồng bà không có nợ chung. Nếu sau khi vợ chồng bà ly hôn mà có người kiện vợ chồng bà đòi nợ chung thì bà hoàn toàn chịu trách nhiệm trả nợ chung theo quy định của pháp luật.

Nguyện vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Văn A – sinh ngày 11/8/2010, Nguyễn Văn Kh – sinh ngày 18/02/2012 và Nguyễn Thị Như Y – sinh ngày 09/02/2014 và không yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Văn T không đến Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông Nguyễn Văn T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T, đồng thời bà yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Văn A – sinh ngày 11/8/2010, Nguyễn Văn Kh – sinh ngày 18/02/2012 và Nguyễn Thị Như Y – sinh ngày 09/02/2014 và không yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con, ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ kiện; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt là không tuân thủ quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn. Về hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Văn A – sinh ngày 11/8/2010, Nguyễn Văn Kh – sinh ngày 18/02/2012 và Nguyễn Thị Như Y – sinh ngày 09/02/2014 cho bà Thị M nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên Viện kiểm sát không có đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Thị M và ông Nguyễn Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án, ông Nguyễn Văn T có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi ông đăng ký hộ khẩu thường trú, hiện nay ông Nguyễn Văn T vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên. Ngày 12/3/2021, Tòa án có làm việc với ông Nguyễn Thành Ph, giữ chức vụ Trưởng ấp V, xã V, huyện G, tỉnh K, nơi ông Nguyễn Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú để xác minh về hôn nhân của bà Thị M và ông Nguyễn Văn T thì được ông Phương cung cấp thông tin rằng ông Nguyễn Văn T hiện vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa phương. Về mâu thuẫn vợ chồng thì ông không biết, ở địa phương ông Nguyễn Văn T và bà Thị M không có tranh chấp về tài sản hay nợ nần với ai. Đồng thời, Tòa án cũng tiến hành xác minh đối với bà Thị Nhượl là mẹ ruột của ông Nguyễn Văn T, thì được bà Nh cung cấp thông tin rằng ông T đi ghe biển ở Hà Tiên chưa về, cháu Nguyễn Văn A – sinh ngày 11/8/2010 sống chung với bà từ nhỏ đến giờ. Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Bà Thị M và ông Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào năm 2009, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh K. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 114, ngày 09/11/2009, như vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của bà Thị M và ông Nguyễn Văn T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3]. Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Tuy hôn nhân của bà Thị M và ông Nguyễn Văn T là hôn nhân tự nguyện nhưng trong quá trình sống chung vợ chồng ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không tự giải quyết được. Bà Thị M cho rằng vợ chồng bà không hợp nhau vì ông Nguyễn Văn T không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con, ông T thường hay nhậu nhẹt về nhà đánh đập bà, bên ngoài ông T còn có vợ bé, từ tháng 6 năm 2019 đến nay, vợ chồng bà sống ly thân nhau và không

còn liên lạc với nhau. Ngày 09/3/2021 và ngày 31/3/2021, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông Nguyễn Văn T không có mặt tại Tòa án, nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay yêu cầu gì của ông Nguyễn Văn T. Xét thấy, vợ chồng bà Thị M và ông Nguyễn Văn T đã sống ly thân với nhau hơn 01 năm nay, ông Nguyễn Văn T không đến thăm nom hay cấp dưỡng cho con, cho thấy ông Nguyễn Văn T không còn quan tâm gì đến mẹ con bà Thị M, trong thời gian sống ly thân, vợ chồng bà M và ông T không liên lạc với nhau, cho thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Tại phiên tòa, bà Thị M cương quyết xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T và tỏ rõ thái độ không còn tình cảm yêu thương ông Nguyễn Văn T, vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thị M.

[4]. Về con chung: Bà Thị M và ông Nguyễn Văn T có con 03 người con chung tên Nguyễn Văn A – sinh ngày 11/8/2010, Nguyễn Văn Kh – sinh ngày 18/02/2012 và Nguyễn Thị Như Y – sinh ngày 09/02/2014, hiện bà Thị M đang chịu trách nhiệm nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn Kh – sinh ngày 18/02/2012 và Nguyễn Thị Như Y – sinh ngày 09/02/2014, mẹ ông Nguyễn Văn T đang nuôi cháu Nguyễn Văn A – sinh ngày 11/8/2010. Nay, bà Thị M xin nuôi con chung, các con chung của bà M và ông T đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Ông Nguyễn Văn T không trực tiếp nuôi con và không có ý kiến gì về quyền nuôi con nên căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin nuôi con chung của bà Thị M.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Thị M không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[7] Tại phiên tòa, sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Thị M phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0009659, ngày 14/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thị M.

Về hôn nhân: Xử cho bà Thị M và ông Nguyễn Văn T được ly hôn với nhau.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn A – sinh ngày 11/8/2010, Nguyễn Văn Kh – sinh ngày 18/02/2012 và Nguyễn Thị Như Y – sinh ngày 09/02/2014 cho bà Thị M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng ông được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Không ai được ngăn cản ông thực hiện quyền này.

Các đương sự được quyền xin thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Thị M phải chịu nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0009659, ngày 14/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang